

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BUÔN HỒ
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 08/2020/DS-ST

Ngày: 14-5-2020

V/v Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Minh Chức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Hồng.

2. Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Mai – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ tham gia phiên tòa: Ông Từ Quốc Quyền – Kiểm sát viên.

Ngày 14-5-2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 203/2019/TLST -DS ngày 18 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp Hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2020/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2020/QĐST-DS ngày 24 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Ngô Thiên P và bà Nguyễn Thị Như C; Địa chỉ: Số 55 đường N, Buôn T, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Trần Thanh L; (Vắng mặt), và bà Nguyễn Thị Đ; (Xin vắng mặt tại phiên tòa). Cùng địa chỉ: Số 540 đường H, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn ông Ngô Thiên P trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên vào ngày 04/4/2017, vợ chồng tôi (Ngô Thiên P và Nguyễn Thị Như C) có cho vợ chồng ông Trần Thanh L và bà Nguyễn Thị Đ vay số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng), Thời hạn vay đến 31/12/2017, lãi suất hai bên thỏa thuận 1%/tháng, mục đích vay là để bà Đ, ông L trả lãi Ngân hàng, đầu tư

trồng trọt và kinh doanh quần áo. Khi vay hai bên có lập giấy vay tiền do bà Đ trực tiếp viết và ký xác nhận vay.

Đến hạn trả nợ ông L bà Đ không trả tiền cho vợ chồng tôi như đã thỏa thuận, đến nay đã quá thời hạn nhưng ông L, bà Đ vẫn chưa trả số nợ trên.

Nay vợ chồng tôi yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Thanh L và bà Nguyễn Thị Đ phải trả số tiền 396.800.000 đồng (Ba trăm chín mươi sáu triệu tám trăm nghìn đồng), trong đó, nợ gốc 300.000.000 đồng, nợ lãi 96.800.000 đồng (Tiền lãi tính từ ngày vay 04/4/2017 đến ngày 12/12/2019, với lãi suất 1%/tháng).

- Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Như C trình bày: Bà C nhất trí với lời trình bày và yêu cầu của ông P về việc yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Thanh L và bà Nguyễn Thị Đ phải trả tổng số tiền 396.800.000 đồng (Ba trăm chín mươi sáu triệu tám trăm nghìn đồng), trong đó, nợ gốc 300.000.000 đồng, nợ lãi 96.800.000 đồng (Tiền lãi tính từ ngày vay 04/4/2017 đến ngày 12/12/2019, với lãi suất 1%/tháng).

- Tại Bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị Đ trình bày: Vào ngày 04/4/2017, vợ chồng bà là ông Trần Thanh L, Nguyễn Thị Đ có vay của ông Ngô Thiên P và bà Nguyễn Thị Như C số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng), lãi suất hai bên thỏa thuận 1%/tháng, mục đích vay là để bà Đ, ông L trả lãi Ngân hàng, đầu tư trồng trọt và kinh doanh quần áo. Thời hạn vay là đến 31/12/2017 ông L, bà Đ sẽ trả tiền cho vợ chồng ông P, bà C. Khi vay hai bên có lập giấy vay tiền do bà Đ trực tiếp viết và ký xác nhận vay.

Đến hạn trả do hoàn cảnh khó khăn nên ông L, bà Đ chưa trả tiền cho vợ chồng ông P, bà C như đã thỏa thuận, đến nay đã quá thời hạn nhưng ông L, bà Đ vẫn chưa trả cho ông P, bà C số nợ trên.

Nay ông Ngô Thiên P và bà Nguyễn Thị Như C yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Thanh L và bà Nguyễn Thị Đ phải trả tổng số tiền 396.800.000 đồng (Ba trăm chín mươi sáu triệu tám trăm nghìn đồng), trong đó, nợ gốc 300.000.000 đồng, nợ lãi 96.800.000 đồng (Tiền lãi tính từ ngày vay 04/4/2017 đến ngày 12/12/2019, với lãi suất 1%/tháng) thì bà Đ đồng ý trả. Mặc dù giấy vay chỉ có một mình bà Đ viết và ký tên, nhưng đây là khoản nợ chung của gia đình nên bà Đ yêu cầu Tòa án buộc ông Trần Thanh L phải có trách nhiệm liên đới trả nợ cùng với bà Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự, riêng bị đơn vắng mặt lần hai tại phiên tòa đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Căn cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vợ chồng ông P, bà C về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện với ông L và buộc bà Nguyễn Thị Đ phải có nhĩa vụ trả nợ cho vợ chồng ông P, bà C tổng số tiền 396.800.000 đồng (Ba trăm chín mươi sáu triệu tám trăm nghìn đồng), trong đó, nợ gốc 300.000.000 đồng, nợ lãi 96.800.000 đồng (Tiền lãi tính từ ngày vay 04/4/2017 đến ngày 12/12/2019, với lãi suất 1%/tháng) là có căn cứ phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa các bên vẫn giữ nguyên yêu cầu, ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình bày của các bên đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS.

[2] Về trình tự thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử xét thấy quá trình giải quyết vụ án bị đơn đã được niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhiều lần để tham gia tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do, nên không thể công khai chứng cứ, tiến hành đối chất, hoà giải và xét xử được theo quy định tại Điều 205, Điều 207, Điều 208 BLTTDS, và Tòa án giải quyết vắng mặt bị đơn, trên cơ sở chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, và hậu quả pháp lý của việc vắng mặt bị đơn phải tự chịu theo quy định của pháp luật về quyền được pháp luật bảo vệ.

[3] Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Do có mối quan hệ quen biết nên vào ngày 04/4/2017, vợ chồng ông Ngô Thiên P và bà Nguyễn Thị Như C có cho bà Nguyễn Thị Đ vay số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng), Thời hạn vay đến 31/12/2017, lãi suất hai bên thỏa thuận 1%/tháng, mục đích vay là để bà Đ trả lãi Ngân hàng, cũng như đầu tư trồng trọt và kinh doanh quần áo. Khi vay hai bên có lập giấy vay tiền tại nhà bà C, do bà Đ trực tiếp viết và ký xác nhận vay, không có mặt ông L là có thật; được thể hiện tại Giấy vay tiền ngày 04-4-2017 và sự thừa nhận của bà Đ.

[3.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn và của bà Đ về việc yêu cầu ông L phải có trách nhiệm liên đới trả nợ cùng với bà Đ, nhưng tại phiên tòa nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông L, và bị đơn trong biên bản làm việc cũng thay đổi yêu

cầu về trách nhiệm trả nợ là của cá nhân bà Đ, thì thấy rằng giữa ông L và bà Đ là vợ chồng hiện sống chung với nhau. Theo lời khai của bà Đ mục đích vay tiền của vợ chồng ông P, bà C là để trả lãi Ngân hàng, đầu tư trồng trọt và kinh doanh quần áo, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án ông L không có mặt, nên không có cơ sở xác định việc sử dụng tiền vay vào mục đích sử dụng chung hay riêng, hơn nữa tại phiên toà các bên đã thống nhất bà Đ phải có nghĩa vụ trả số nợ này mà không yêu cầu ông L phải có nghĩa vụ liên đới để trả nợ, đây là sự tự nguyện thoả thuận định đoạt không trái pháp luật nên cần chấp nhận đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với ông L. Do đó để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự cũng như làm lành mạnh hoá các quan hệ dân sự trong đời sống xã hội, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông P, bà C, buộc bà Đ phải có nghĩa vụ trả cho ông P, bà C tổng số tiền 396.800.000 đồng (Ba trăm chín mươi sáu triệu tám trăm nghìn đồng), trong đó, nợ gốc 300.000.000 đồng, nợ lãi 96.800.000 đồng (Tiền lãi tính từ ngày vay 04/4/2017 đến ngày 12/12/2019, với lãi suất 1%/tháng) là phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Về án phí:

Bị đơn bà Nguyễn Thị Đ phải chịu 19.840.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho vợ chồng ông P, bà C 9.920.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là phù hợp với quy định tại Điều 144, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH 12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; 147; 205; 207; 208; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Các Điều 463; 466 ; 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH 12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn vợ chồng ông Ngô Thiên P và bà Nguyễn Thị Như C, rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông Trần Thanh L, nên đình chỉ yêu cầu này của nguyên đơn không đặt ra để giải quyết nữa.

Buộc bà Nguyễn Thị Đ phải trả cho vợ chồng ông Ngô Thiên P, bà Nguyễn Thị Như C tổng số tiền 396.800.000 đồng (Ba trăm chín mươi sáu triệu tám trăm nghìn đồng), trong đó, nợ gốc 300.000.000 đồng, nợ lãi 96.800.000 đồng (Tiền lãi tính từ ngày vay 04/4/2017 đến ngày 12/12/2019, với lãi suất 1%/tháng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 BLDS 2015.

2. Về án phí:

Bị đơn bà Nguyễn Thị Đ phải chịu 19.840.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho vợ chồng ông Ngô Thiên P và bà Nguyễn Thị Như C 9.920.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai số AA/2019/0004704 ngày 16/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

Báo cho nguyên đơn có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo luật định.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tx Buôn Hồ;
- Chi cục THADS tx Buôn Hồ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Vp.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

HOÀNG MINH CHÚC